Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

**CHƯƠNG 6: SỐ THẬP PHÂN**

# BÀI 2. CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.

- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính với số thập phân.

**2. Năng lực**

***- Năng lực riêng:***

+ Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối, quy tắc dấu ngoặc để tính toán.

***- Năng lực chung:*** Năng lực tư duy và lập luận toán học; giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS tính độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ, máy chiếu (TV), phiếu học tập số 1+ số 2.

**2 - HS** : SGK, đồ dùng học tập; bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục đích:** Giúp HS nhận biết phép cộng và trừ các số thập phân có dấu.

**b. Nội dung:** HS thực hiện các phép tính cộng, trừ các số thập phân.

**c. Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình ảnh các phép tính cần thực hiện ở câu a và yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi nhớ lại cách cộng trừ số thập phân đã được học ở lớp 5 và viết kết quả vào phiếu học tập số 1.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới, GV chiếu hình ảnh câu b: “Lớp 5 các em đã được học các phép tính với số thập phân dương, muốn cộng trừ các số thập phân có dấu như câu b ta làm như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Cộng, trừ hai số thập phân.**

**a. Mục tiêu:**

**+** Nhận biết phép cộng, trừ các số thập phân có dấu.

+ Áp dụng quy tắc tương tự như cộng, trừ số nguyên để thực hiện cộng trừ số thập phân cùng dấu, trái dấu.

+HS có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về các phép tính với số thập phân thông qua hoạt động tính hiệu số giữa các chất có trong một quả chuối.

**b. Nội dung:**

**+** GV giảng, trình bày.

+ HS tiếp thu, quan sát SGK, thảo luận, trả lời.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát câu b SGK trang 33  12,3 + 5,67 =? 12,3 – 5,67=?  HS hoàn thành phiếu học tập số 1  Yêu cầu HS đọc lại quy tắc SGK trang 33.  *+ Muốn cộng hai số thập phân âm*  *+ Muốn cộng hai số thập phân trái dấu.*  *+ Muốn trừ số thập phân a cho số thập phân b.*  GV cho HS rút ra nhận xét.  GV chiếu câu hỏi vận dụng :    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân  - GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời của mình.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chính xác hóa và giải thích:  *Quy tắc SGK trang 33* | **1. Cộng, trừ hai số thập phân.**  12,3 + 5,67 =17,97  12,3 – 5,67 =6,63  (–12,3) + (–5,67) = –17,97  5,67 – 12,3 = –6,63  Thực hành 1:  a) 3,7 – 4,32 = –0,62  b) –5,5 + 90,67= 85,17  c) 0,8 – 3,1651= –2,3651  d) 0,77 – 5,3333= –4,5633  e) –5,5 +9,007=3,507  g) 0,008 – 3,9999=–3,9919 |

**Hoạt động 2: Nhân, chia hai số thập phân**

**a. Mục đích:**

+ HS có cơ hội trải nghiệm việc thực hành nhân, chia các số thập phân dương có nhiều chữ số.

+ Có cơ hội trải nghiệm, thảo luận về các phép tính với số thập phân thông qua hoạt động tính tỉ số giữa các chất có trong một quả chuối.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c. Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV yêu cầu HS làm khóa số 2. Nếu HS quên kiến thức cũ GV có thể nhắc lại.  - GV yêu cầu HS đọc ví dụ 2 và ví dụ 3;4. Áp dụng làm thực hành 2; 3  Vận dụng 2: Hoạt động theo nhóm 4. Dùng tỉ số để so sánh. GV phát phiếu học tập số 2 cho nhóm    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu và phần luyện tập  + GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **+** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  + Một HS lên bảng chữa thực hành 2;3 các học sinh khác làm vào vở.  + GV thu và chấm phiếu học tập số 2.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2. Nhân, chia hai số thập phân dương**  a) 1,2 . 2,5= 3  125:0,25=500  b) 1,2 . 2,5=  125:0,25=  *Thực hành 2:*  a) 20,24.0,125 =2,53  b) 6,24:0,125 =49,92  c) 2,40.0,875 =2,1  d) 12,75:2,125 =6  **3. Nhân, chia hai số thập phân có dấu bất kì**  Thực hành 3:  a) (–45,5).0,4 =–18,2  b) (–32,2).( –0,5) =16,1  c)( –9,66):3,22 =3  d)( –88,24): (-0,2) =441,2 |

**Hoạt động 3: Tính chất của các phép tính với số thâp phân**

**a. Mục đích:**

Áp dụng các tính chất: giao hoán, kết hợp, phân phối, quy tắc dấu ngoặc để tính hợp lí

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

**c. Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV yêu cầu HS làm khóa số 4.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án, từ đó rút ra nhận xét : Giống như các phép tính với số nguyên và phân số, các phép tính với số thập phân cũng có đầy đủ các tính chất :Giao hoán, kết hợp, phân phối.  -Quy tắc dấu ngoặc: SGK trang 37  - GV yêu cầu HS đọc ví dụ 5 và ví dụ 6. Áp dụng làm thực hành 4  Ví dụ 7 áp dụng làm thực hành 5.  Vận dụng 3:    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu  + GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **+** HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu cầu.  + Một HS lên bảng chữa thực hành 4,thực hành 5, vận dụng 3.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **4. Tính chất của các phép tính với số thập phân:**  Thực hành 4 :  a) 4,38–1,9+0,62=  4,38+0,62–1,9=5–1,9=3,1  b) [(–100).( –1,6)] : (-2)  =160 : (–2)=-80  c) (2,4.5,55) :1,11  =13,32 :1,11=12  d) 100.(2,01+3,99)  =100.6=600  Thực hành 5:  a) 14,7+(–8,4)+( –4,7)  =14,7+(–4,7)+( –8,4)  =10-8,4=1,6  b) (–4,2).5,1+5,1.( –5,8)  =5,1.[( –4,2)+( –5,8)]  =5,1.10=51  c)  (–0,4:0,04+10).(1,2.20+12.8)  =(–10+10). (1,2.20+12.8)=0 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành bài 1 ; 3 và 6.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.*

**1.** a) 32 – (– 1,6) = 32+1,6=33,6

b) (– 0,5) .1,23= –(0,5.1,23) = –0,615

c) (–2,3)+( –7,7)= –(2,3+7,7)= –10

d) 0,325 –3,21 = –(3,21–0,325)= –2,885

**3.** a) (–4,5) + 3,6 + 4,5+(–3,6)=( –4,5 + 4,5) + ( 3,6 – 3,6)=0

b) 2,1+ 4,2 +(–7,9) + (–2,1) +7,9= 2,1 –2,1 + 7,9 – 7,9 + 4,2 = 4,2

c) (–3,6).5,4 +5,4 . (–6,4) = 5,4 .( –3,6 –6,4) = 5,4 . (–10) = –54

**6.** C= 2. 3,142 . 1,25 = 7,855 (m)

Vậy chu vi hình tròn là 7,855 m.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

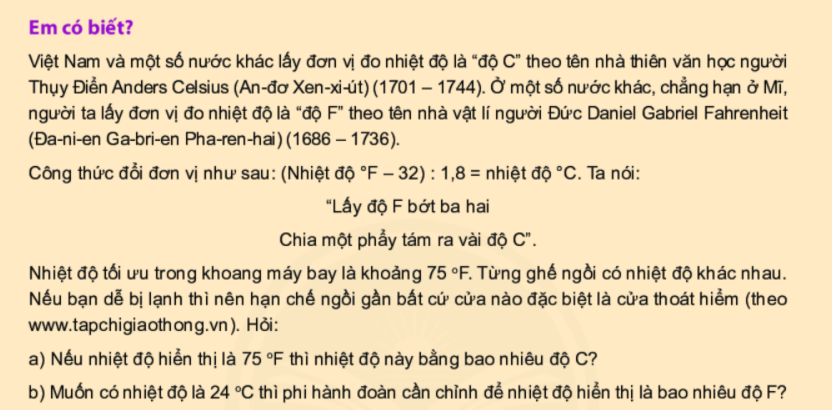
**a. Mục đích:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

**b. Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi, HS giải đáp nhanh

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu Slide và yêu cầu HS hoàn thành nhanh bài tập trang 38-SGK*



*- HS suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi*

a) ( 75 – 32) :1,8 23,90C

b) 24. 1,8 +32 = 75,2 0F

*- HS nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Phiếu học tập số 1a

Thực hiện phép tính

12,3 + 5,67=

12,3 - 5,67=

12,3

……

……

+

12,3

……

……

-

Mặt trước

Phiếu học tập số 1b

Thực hiện phép tính

-12,3 +(- 5,67)=

5,67- 12,3=

12,3

……

……

+

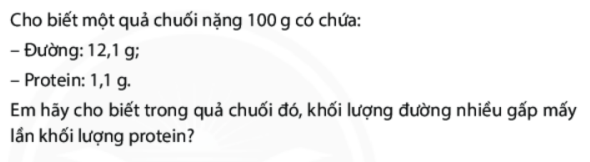
……

……

……

-

Mặt sau



**Phiếu học tập số 2**

……………………………………………………